PHIẾU QUAN SÁT CON MÈO

Họ và tên: .....

Lớp: .....

2 Quan sát tổng thể

- Kích thước: ..... — nhỏ nhắn, vừa phải, mập mạp, thon thả, ...
- Hình dáng: ..... — cân đối, tròn trịa, nhanh nhẹn, dẻo dai, ...
- Màu sắc: ..... — trắng muốt, vàng óng, xám tro, đen tuyền, tam thể, ...
- Ấn tượng chung: ..... — đáng yêu, tinh nghịch, hiền lành, lanh lợi, gần gũi, ...

3 Quan sát từng bộ phận



Đầu
.....
.....
tròn xoe, nhỏ nhắn, xinh xắn, ...

Tai
.....
.....
vểnh lên, thon nhỏ, mềm mại, nhạy bén, ...

Mắt
.....
.....
tròn to, long lanh, đen láy, tinh anh, ...

Bộ lông
.....
.....
mềm mượt, óng ả, xù xì, dày, ...

Mũi
.....
.....
nhỏ xinh, hồng hồng, ươn ướt, ...

Chân
.....
.....
thon nhỏ, chắc khỏe, êm ái, có móng vuốt, ...

Râu
.....
.....
dài, cong cong, mảnh mai, nhạy bén, ...

Đuôi
.....
.....
dài thướt tha, cong cong, xù, ve vẩy, ...

5 Điều em ấn tượng nhất

- Đặc điểm em thích nhất ở con mèo: .....
.....
- Vì sao? .....
.....



Từ ngữ gợi ý

Hình dáng, kích thước
nhỏ nhắn, mũm mĩm, thon thả, nhanh nhẹn, cân đối, đáng yêu, ...

Màu sắc, bộ lông
trắng muốt, đen tuyền, vàng óng, xám tro, tam thể, mượt mà, mềm mại, êm ái, xù xì, ...

Đầu
tròn xoe, nhỏ nhắn, xinh xắn, ngộ nghĩnh, bầu bĩnh, ...

Tai
vểnh lên, dựng đứng, thon nhỏ, mềm mại, nhạy bén, ...

Mắt
tròn xoe, long lanh, đen láy, tinh anh, hiền lành, ...

Mũi
nhỏ xinh, hồng hồng, ươn ướt, tinh nhạy, ...

Râu
dài, cong cong, rung rung, mảnh mai, ...

Chân
thon nhỏ, chắc khỏe, mềm mại, thoăn thoắt, ...

Đuôi
dài thướt tha, cong cong, xù, ve vẩy, ...

LIVEWORKSHEETS